



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

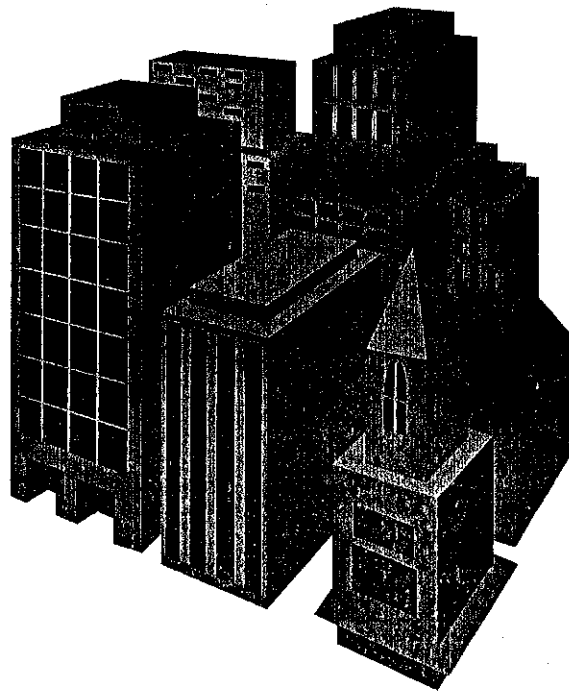
📖 : 550 Kinh Dương Vương, P.An Lạc, Quận Bình Tân Tp.HCM

☎ : 38753021

Fax: 38753552

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2/2015

Kết thúc ngày: 30/06/2015



TP.Hồ Chí Minh

Tháng 08/2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý: 2/2015

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1	2		3	4
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140)	100		2.448.965.020.174	2.286.485.553.223
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		210.406.625.153	82.201.886.893
1. Tiền	111		4.531.321.520	908.491.593
2. Các khoản tương đương tiền	112		205.875.303.633	81.293.395.300
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		30.000.000.000	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		30.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		58.720.182.332	76.983.353.888
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		58.910.068.557	76.944.163.493
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		574.482.700	651.547.948
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		864.315.706	954.809.417
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(1.628.684.631)	(1.567.166.970)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	140		2.142.245.998.079	2.120.217.509.259
1. Hàng tồn kho	141		2.142.245.998.079	2.120.217.509.259
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.592.214.610	7.082.803.183
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.728.436.018	3.968.580.116
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		2.349.054.763	2.241.270.726
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		1.514.723.829	872.952.341
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		852.732.336.166	870.702.365.460
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		153.987.402.386	168.569.167.844
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		124.202.769.774	138.753.462.910
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		7.776.783.885	7.776.783.885
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216		29.793.848.727	29.824.921.049
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(7.786.000.000)	(7.786.000.000)
II. Tài sản cố định	220		25.417.111.354	27.405.260.226
1. Tài sản cố định hữu hình	221		25.350.808.385	27.324.733.093
- Nguyên giá	222		75.030.189.625	75.030.189.625
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(49.679.381.240)	(47.705.456.532)

Nội dung	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1	2		3	4
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227		66.302.969	80.527.133
- Nguyên giá	228		1.645.748.781	1.645.748.781
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.579.445.812)	(1.565.221.648)
III. Bất động sản đầu tư	230		92.893.561.697	94.400.871.519
- Nguyên giá	231		150.001.804.114	150.001.804.114
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(57.108.242.417)	(55.600.932.595)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		211.020.989.499	211.020.989.499
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		211.020.989.499	211.020.989.499
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		368.454.304.136	368.417.938.506
1. Đầu tư vào công ty con	251		297.000.000.000	297.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		81.257.440.060	81.257.440.060
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		3.135.455.455	3.135.455.455
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(12.938.591.379)	(12.974.957.009)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác	260		958.967.094	888.137.866
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		744.849.079	616.712.251
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		181.192.253	238.499.853
3. Tài sản dài hạn khác	268		32.925.762	32.925.762
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		3.301.697.356.340	3.157.187.918.683
NGUỒN VỐN				
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		1.561.105.058.441	1.513.696.343.623
I. Nợ ngắn hạn	310		428.445.926.954	453.358.480.235
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		12.279.142.851	17.041.622.164
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		202.232.852.772	191.283.500.967
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		384.918.192	1.925.605.688
4. Phải trả người lao động	314		25.600.000	10.771.560.889
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		7.098.197.930	5.508.457.108
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		6.366.466.684	6.540.331.560
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		149.603.006.858	109.431.725.041
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		42.173.932.215	107.009.112.858
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		8.281.809.452	3.846.563.960
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
II. Nợ dài hạn	330		1.132.659.131.487	1.060.337.863.388
1. Phải trả người bán dài hạn	331		51.977.755.999	52.751.981.432
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		186.177.496.586	191.887.773.915
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		101.759.013.995	104.981.865.459
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		203.084.903.842	205.657.013.735
7. Phải trả dài hạn khác	337		173.021.349.277	168.547.594.797
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		416.638.611.788	336.511.634.050
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			

Nội dung	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1	2		3	4
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		1.740.592.297.899	1.643.491.575.060
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.740.592.297.899	1.643.491.575.060
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		867.201.440.000	722.670.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	41A		867.201.440.000	722.670.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	41B			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		610.750.058.000	610.750.058.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỉ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		241.073.482.361	231.349.402.028
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn sở hữu	420		12.332.000.000	12.332.000.000
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		9.235.317.538	66.390.115.032
- Lũy kế đến cuối kỳ trước	42A		-	794.427.145
- Kỳ này	42B		9.235.317.538	65.595.687.887
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		3.301.697.356.340	3.157.187.918.683

Tp.HCM, ngày 14 tháng 8 năm 2015


Người lập biểu

Kế toán trưởng

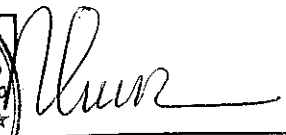
Tổng giám đốc



Nguyễn Kim Phụng



Nguyễn Dương An


Nguyễn Thụy Nhân

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ QUÝ 2 NĂM 2015


Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Mã số	Quý		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Quý 2/15	Quý 2/14	Năm 2015	Năm 2014
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26.608.141.387	88.709.534.552	48.707.079.475	162.332.931.396
2.	Các khoản giảm trừ	02	-	0	-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	26.608.141.387	88.709.534.552	48.707.079.475	162.332.931.396
4.	Giá vốn hàng bán	11	11.263.545.984	65.984.989.663	20.357.260.050	118.395.218.064
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	15.344.595.403	22.724.544.889	28.349.819.425	43.937.713.332
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	1.337.954.422	9.324.995.786	25.133.550.172	12.243.449.650
7.	Chi phí tài chính	22	2.950.667.537	2.467.720.657	6.013.436.862	5.141.079.932
	<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23	2.948.499.282	1.938.561.673	6.033.089.611	4.330.123.456
8.	Chi phí bán hàng	25	201.367.072	3.317.787.587	544.615.588	4.075.431.786
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.312.732.821	7.397.061.463	14.913.039.875	17.526.937.007
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	8.217.782.395	18.866.970.968	32.012.277.272	29.437.714.257
11.	Thu nhập khác	31	559.159.511	312.147.611	703.893.750	559.596.628
12.	Chi phí khác	32	408.000.000	225.216.003	408.000.000	225.216.003
13.	Lợi nhuận khác	40	151.159.511	86.931.608	295.893.750	334.380.625
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	8.368.941.906	18.953.902.576	32.308.171.022	29.772.094.882
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	-	0	-	-
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	41.945.109	(160.123.282)	57.307.600	(160.123.282)
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	8.326.996.797	19.114.025.858	32.250.863.422	29.932.218.164
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70				
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71				

Người lập


 Nguyễn Kim Phụng

Kế toán trưởng


 Nguyễn Dương An

Tp.HCM, ngày 14 tháng 08 năm 2015

Tổng Giám đốc




 Nguyễn Thụy Nhân

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Quý 2 năm 2015

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã Số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
			Quý 2/15	Quý 2/14
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		90.633.282.639	62.860.149.151
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2		(24.291.793.285)	(40.434.919.638)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3		(14.707.251.348)	(16.853.116.393)
4. Tiền chi trả lãi vay	4		(20.810.815.430)	(40.037.619.318)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	5		(192.349.724)	(1.812.592.843)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		193.284.391.555	417.095.994.133
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(84.447.155.140)	(67.422.079.066)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		139.468.309.267	313.395.816.026
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, NBán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(30.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(20.800.000.000)	(10.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		24.591.341.898	11.280.737.997
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(26.208.658.102)	1.280.737.997
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		122.874.241.953	1.471.531.987
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(107.929.154.858)	(344.651.306.654)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(64.480.167.300)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		14.945.087.095	(407.659.941.967)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		128.204.738.260	(92.983.387.944)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		82.201.886.893	173.675.445.273
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		210.406.625.153	80.692.057.329

TP.HCM, ngày 14 tháng 8 năm 2015

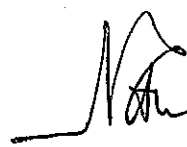
Người lập

Kế toán trưởng

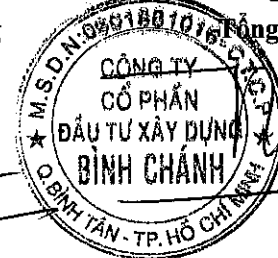
Phong giám đốc



Nguyễn Kim Phụng



Nguyễn Dương An




Nguyễn Thụy Nhân

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, P. An Lạc, Q. Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Phụ lục I: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	722.670.000.000	610.750.058.000	142.313.571.835	79.468.705.155	12.332.000.000	90.090.909.713	1.657.625.244.703
Tăng vốn trong năm							-
Lợi nhuận trong năm trước		-	-	-		65.595.687.887	65.595.687.887
Trích lập các quỹ trong năm trước		-	-	-		(72.267.000.000)	(72.267.000.000)
Chia cổ tức năm trước		-	4.783.562.519	4.783.562.519		(9.567.125.038)	-
Chia lãi hợp tác đầu tư						-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi						(7.462.357.530)	(7.462.357.530)
Số dư cuối năm trước	722.670.000.000	610.750.058.000	147.097.134.354	84.252.267.674	12.332.000.000	66.390.115.032	1.643.491.575.060
Số dư tại ngày 31/12/14	722.670.000.000	610.750.058.000	231.349.402.028		12.332.000.000	66.390.115.032	1.643.491.575.060
Tăng vốn trong năm	144.531.440.000						144.531.440.000,0
Lợi nhuận trong năm		-	-	-		32.250.863.422,0	32.250.863.422,0
Chia cổ tức		-	-	-		(72.264.440.000,0)	(72.264.440.000,0)
Trích lập các quỹ trong năm		-	9.724.080.333			(9.724.080.333,0)	-
Chia lãi hợp tác đầu tư						-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, ban điều hành						(7.417.140.583,0)	(7.417.140.583,0)
Số dư cuối năm nay	867.201.440.000	610.750.058.000	241.073.482.361	-	12.332.000.000	9.235.317.538	1.740.592.297.899

Người lập

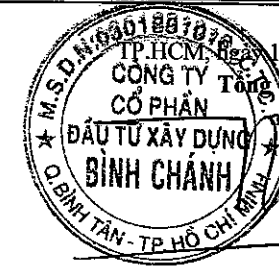


Nguyễn Kim Phụng

Kế toán trưởng



Nguyễn Dương An



14 tháng 08 năm 2015

CÔNG TY TẬP THỂ GIÁM ĐỐC

CỔ PHẦN

ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

BÌNH CHÁNH

Nguyễn Thụy Nhân

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, phường An Lạc, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2/2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Xây dựng, địa ốc
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Xây dựng cơ bản; kinh doanh nhà ở, đất ở; kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Lê Minh Xuân, tư vấn xây dựng, san lấp mặt bằng.
4. **Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường:** 1 năm
5. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**
6. **Cấu trúc doanh nghiệp**
 - Danh sách công ty con:
 - + Công ty Cổ phần BCI
 - + Công ty TNHH Đầu tư Phát triển BCCI
 - Danh sách các công ty liên doanh, liên kết:
 - + Công ty CP Đầu tư và BĐS Sài Gòn Châu Á
 - + Công ty TNHH Cao Ốc Xanh
 - + Công ty TNHH TM & DV Siêu thị Big C An Lạc
7. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính:** có thể so sánh.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Năm 2015 là năm tài chính thứ 16 của Công ty.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 20
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4 - 7

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

Chi phí đầu tư cơ sở hạ tầng: theo thời gian còn lại của dự án kể từ khi khai thác.

Nhà xưởng: từ 10 – 20 năm.

7. Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 4-5 năm.

Chứng nhận ISO

Là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra để có chứng nhận ISO. Chi phí này được khấu hao trong 10 năm.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

10. Hoạt động liên doanh

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Lợi ích của Công ty trong những hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và tài sản đồng kiểm soát được ghi nhận vào Báo cáo tài chính bằng cách phân bổ phần của Công ty trong tài sản, công nợ, thu nhập và chi phí vào những khoản mục tương ứng.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

12. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Nhóm Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

13. Các khoản dự phòng phải trả

Chi phí bảo hành công trình xây lắp

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng loại công trình xây lắp có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng.

Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành của Công ty được ước tính bằng 5% trên doanh thu công trình xây lắp có yêu cầu bảo hành.

14. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

15. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22% trên thu nhập chịu thuế, đối với hoạt động chuyên quyền sử dụng đất công ty phải đóng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

chính các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

17. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

18. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu chuyển quyền sử dụng đất, nhà ghi nhận khi công ty có biên bản bàn giao nền và nhà.

Doanh thu cho thuê đất tại khu công nghiệp Lê Minh Xuân:

Đối với hoạt động cho thuê đất tại khu giai đoạn I và bán xưởng: Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ được thực hiện.

Đối với hoạt động cho thuê đất tại khu giai đoạn II và khu tiểu thủ công nghiệp: Công ty ghi nhận là doanh thu nhận trước khi thu tiền trả trước và phát hành hoá đơn, sau đó phân bổ vào doanh thu trong kỳ theo thời gian còn lại của dự án kể từ năm cho thuê.

Doanh thu khác: Ghi nhận khi hàng hóa và dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

19. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.3.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối quý	Số đầu năm
Tiền mặt	50.329.243	44.829.365
Tiền gửi ngân hàng	4.480.992.277	863.662.228
Các khoản tương đương tiền	205.875.303.633	81.293.395.300
Cộng	210.406.625.153	82.201.886.893

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi ngắn hạn có thời hạn gốc dưới ba tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền và hưởng tiền lãi với lãi suất trong khoảng 4,3%/năm đến 5,1%/năm.

2. Các khoản đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn	30.000.000.000	30.000.000.000		
Cộng	30.000.000.000	30.000.000.000		

c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty con	Số cuối quý			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty cổ phần BCI	286.000.000.000	(11.883.485.924)	274.116.514.076	286.000.000.000	(11.883.485.924)	274.116.514.076
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển BCCI	11.000.000.000		11.000.000.000	11.000.000.000		11.000.000.000
Cộng	297.000.000.000	(11.883.485.924)	285.116.514.076	297.000.000.000	(11.883.485.924)	285.116.514.076

Đầu tư vào công ty liên	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

doanh, liên kết	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty cổ phần đầu tư BĐS Sài Gòn Châu Á	4.000.000.000		4.000.000.000	4.000.000.000		4.000.000.000
Công ty TNHH Cao ốc Xanh	20.060.312.372		20.060.312.372	20.060.312.372		20.060.312.372
Công ty TNHH TM& DV Siêu thị Big C An Lạc	57.197.127.688		57.197.127.688	57.197.127.688		57.197.127.688
Cộng	81.257.440.060		81.257.440.060	81.257.440.060		81.257.440.060

Đầu tư vào đơn vị khác	Số cuối quý			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty CP Phát Triển nhà Thủ Đức	1.312.145.455	(1.055.105.455)	257.040.000	1.312.145.455	(1.055.105.455)	257.040.000
Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Tp HCM	123.310.000		123.310.000	123.310.000		123.310.000
Đầu tư dài hạn khác	1.700.000.000		1.700.000.000	1.700.000.000		1.700.000.000
Cộng	3.135.455.455	(1.055.105.455)	2.080.350.000	3.135.455.455	(1.055.105.455)	2.080.350.000

3. Phải thu khách hàng**a. Ngắn hạn**

	Số cuối quý	Số đầu năm
Khách hàng mua đất nền, căn hộ chung cư các dự án	53.109.540.270	71.213.930.967
Các khoản phải thu khác	2.004.059.000	
Các khoản phải thu của KCN LMX	3.645.510.787	2.337.323.435
Cộng	58.759.110.057	73.551.254.402

b. Dài hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
Khách hàng mua đất nền, căn hộ chung cư các dự án	124.202.769.774	134.563.068.501
Các khoản phải thu khác		2.640.345.000
Cộng	124.202.769.774	137.203.413.501

c. Phải thu khách hàng là các bên liên quan

	Số cuối quý	Số đầu năm
Công ty TNHH ĐTPT BCCI (ngắn hạn)	150.958.500	150.958.500
Trương Mỹ Linh - phó TGĐ	-	4.792.000.000
Cộng	150.958.500	4.942.958.500

4. Các khoản phải thu khác

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

a. Ngắn hạn

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Các khoản phải thu khác	2.811.436		417.287.522	
Dự thu lãi tiền gửi ngân hàng	374.310.893			
Phải thu tiền lãi Sở Tài Chính – KCN LMX	487.193.377		537.521.895	
Cộng	864.315.706		954.809.417	

b. Dài hạn

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty TNHH Ngân Thạnh	3.848.813.505		3.848.813.505	
Phòng tài chính huyện Bình Chánh, Nguyễn Ích Phú	7.786.000.000	7.786.000.000	7.786.000.000	7.786.000.000
Công ty Cổ phần KCN Phong Phú	8.794.268.760		8.794.268.760	
Thuế TNDN theo tiến độ thu tiền	8.908.370.385		8.823.804.698	
Phải thu khác	456.396.077		572.034.086	
Cộng	29.793.848.727		29.824.921.049	

5. Tài sản thiếu chờ xử lý**6. Nợ xấu****7. Hàng tồn kho**

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí đầu tư cơ sở hạ tầng	2.128.833.519.676		2.106.870.672.481	
Chi phí xây dựng công trình dở dang	251.635.268		251.635.268	
Hàng hóa bất động sản	12.756.017.707		12.715.218.796	
Nguyên nhiên liệu	404.825.428		379.982.714	
Cộng	2.142.245.998.079		2.120.217.509.259	

8. Tài sản dở dang dài hạn

Xây dựng cơ bản dở dang	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
KCN LMX mở rộng	209.367.725.658	209.367.725.658	209.367.725.658	209.367.725.658
Xây dựng cơ bản Công trình khác	1.653.263.841	1.653.263.841	1.653.263.841	1.653.263.841
Cộng	211.020.989.499	211.020.989.499	211.020.989.499	211.020.989.499

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Nhà cửa vật kiến trúc	Cộng tài sản hữu hình
I. Nguyên giá					

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

1. Số dư đầu kỳ	37.959.086.674	10.520.713.433	2.121.067.279	24.429.322.239	75.030.189.625
2. Số tăng trong kỳ					
3. Số giảm trong kỳ					
4. Số cuối kỳ	37.959.086.674	10.520.713.433	2.121.067.279	24.429.322.239	75.030.189.625
II. Giá trị hao mòn					
1. Số dư đầu kỳ	28.277.772.617	8.693.528.370	2.121.067.279	8.613.088.266	47.705.456.532
2. Số tăng trong kỳ	973.047.678	515.515.434		485.361.596	1.973.924.708
3. Số giảm trong kỳ					
4. Số cuối kỳ	29.250.820.295	9.209.043.804	2.121.067.279	9.098.449.862	49.679.381.240
III. Giá trị còn lại					
1. Số đầu kỳ	9.681.314.057	1.827.185.063		15.816.233.973	27.324.733.093
2. Số cuối kỳ	8.708.266.379	1.311.669.629		15.330.872.377	25.350.808.385

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Bản quyền ISO	Phần mềm vi tính	Cộng tài sản vô hình
I. Nguyên giá			
1. Số dư đầu kỳ	331.744.151	1.314.004.630	1.645.748.781
2. Số tăng trong kỳ			
3. Số giảm trong kỳ			
4. Số cuối kỳ	331.744.151	1.314.004.630	1.645.748.781
II. Giá trị hao mòn			
1. Số dư đầu kỳ	331.744.151	1.233.477.497	1.565.221.648
2. Số tăng trong kỳ		14.224.164	14.224.164
3. Số giảm trong kỳ			
4. Số cuối kỳ	331.744.151	1.247.701.661	1.579.445.812
III. Giá trị còn lại			
1. Số đầu kỳ		80.527.133	80.527.133
2. Số cuối kỳ		66.302.969	66.302.969

11. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính**12. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

Chỉ tiêu	Nhà xưởng	Cơ sở hạ tầng	Tổng cộng
I. Nguyên giá			
Số đầu năm	7.146.210.413	142.855.593.701	150.001.804.114
Số tăng trong kỳ (lũy kế)			
Số giảm trong kỳ			
Số cuối kỳ	7.146.210.413	142.855.593.701	150.001.804.114
II. Giá trị hao mòn			

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Số đầu năm	5.758.161.476	49.842.771.119	55.600.932.595
Số tăng trong kỳ (lũy kế)	63.093.134	1.444.216.688	1.507.309.822
Số giảm trong kỳ			
Số cuối kỳ	5.821.254.610	51.286.987.807	57.108.242.417
III. Giá trị còn lại			
Số đầu năm	1.388.048.937	93.012.822.582	94.400.871.519
Số cuối kỳ	1.324.955.803	91.568.605.894	92.893.561.697

13. Chi phí trả trước**a. Ngắn hạn****b. Dài hạn**

	Số cuối quý	Số đầu năm
Chi phí trả trước dài hạn	744.849.079	616.712.251
Cộng	744.849.079	616.712.251

14. Tài sản khác**a. Ngắn hạn**

	Số cuối quý	Số đầu năm
Thuế GTGT được khấu trừ	3.728.436.018	3.968.580.116
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	2.349.054.763	2.241.270.726
Tài sản ngắn hạn khác	1.514.723.829	872.952.341
Cộng	7.592.214.610	7.082.803.183

b. Dài hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
Chi phí trả trước dài hạn	744.849.079	616.712.251
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	181.192.253	238.499.853
Tài sản dài hạn khác	32.925.762	32.925.762
Cộng	958.967.094	888.137.866

15. Vay và nợ thuê tài chính**a. Vay ngắn hạn**

	Cuối kỳ		Trong kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
VP Bank - CN TP.HCM, 9/2015/HĐHM/CMB-HCM ngày 01/04/2015	10.813.068.879	10.813.068.879	10.813.068.879	17.765.312.858	17.765.312.858	17.765.312.858
Cộng	10.813.068.879	10.813.068.879	10.813.068.879	17.765.312.858	17.765.312.858	17.765.312.858

❖ Vay ngắn hạn (Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 12 tháng):

	Cuối kỳ		Trong kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Sở tài chính - HĐ 6063, 10/10/98			346.710.000	87.870.510.000	87.523.800.000	87.523.800.000
Công ty ĐTTC Nhà nước						

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

TPHCM, 17A/2010/HĐTD-ĐTTC- TD ngày 27/5/2010	1.720.000.000	1.720.000.000	860.000.000	860.000.000	1.720.000.000	1.720.000.000
Sacombank - PGD Bình Tan (LD1502100187 - 21/01/2015)	2.666.666.668	2.666.666.668	2.666.666.668			
Sacombank - PGD Bình Tan (LD1502100188 - 21/1/2015)	3.066.666.668	3.066.666.668	3.066.666.668			
NH Quân Đội 89.14.701.479633.TD ngày 26/06/2014	13.193.245.000	13.193.245.000	13.193.245.000			
NH Quân Đội 90.14.701.479633.TD ngày 26/06/2014	10.714.285.000	10.714.285.000	10.714.285.000			
Cộng	31.360.863.336	31.360.863.336	30.847.573.336	88.730.510.000	89.243.800.000	89.243.800.000

b. Vay dài hạn hạn

	Cuối kỳ		Trong kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty ĐTTC Nhà nước TP. Hồ Chí Minh HD17- 27/5/2010	1.751.915.000	1.751.915.000		860.000.000	2.611.915.000	2.611.915.000
NH Quân Đội 89.14.701.4796 33.TD ngày 26/06/2014	118.739.203.535	118.739.203.535		13.193.245.000	131.932.448.535	131.932.448.535
NH Quân Đội 90.14.701.4796 33.TD ngày 26/06/2014	139.285.715.000	139.285.715.000		10.714.285.000	150.000.000.000	150.000.000.000
Sacombank - PGD Bình Tân, LD1424800048 ngày 05/09/2014	78.028.443.589	78.028.443.589	26.061.173.074		51.967.270.515	51.967.270.515
Sacombank - PGD Bình Tân (LD150210018 7 - 21/01/2015)	36.666.667.332	36.666.667.332	37.333.333.332	666.666.000		
Sacombank - PGD Bình Tân (LD150210018 8 - 21/01/2015)	42.166.667.332	42.166.667.332	42.933.333.332	766.666.000		
Cộng	416.638.611.788	416.638.611.788	106.327.839.738	26.200.862.000	336.511.634.050	336.511.634.050

c. Các khoản nợ thuê tài chính

d. Số vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

e. Thuyết minh chi tiết về các khoản vay và nợ thuê tài chính đối với các bên liên quan

Bên cho vay	Dư nợ vay (VND)	Thời hạn vay	Mục đích vay	Lãi suất	Tài sản đảm bảo
1. Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh					
Hợp đồng số 9/2015/HĐHM/CMB-HCM ngày 01/04/2015	10.813.068.879	< 8 tháng	Bổ sung vốn lưu động	Lãi suất bán vốn theo quy định của VPBank + biên độ 2%/năm	Tín chấp
2. Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Chợ Lớn					
Hợp đồng số	131.932.448.535	48 tháng	Đầu tư dự án An	Lãi suất huy	- Quyền sử dụng đất

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

89.14.701.479633.TD ngày 26/06/2014			Lạc Plaza	động tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng + biên độ 3,5%/năm	tại số 158 đường An Dương Vương, P. An Lạc, Q. Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh.
Hợp đồng số 90.14.701.479633.TD ngày 26/06/2014	150.000.000.000	60 tháng	Đầu tư dự án khu dân cư 11A, khu trung tâm dân cư Tân Tạo	Lãi suất huy động tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng + biên độ 3,5%/năm	- Quyền sử dụng đất và tài sản hình thành trên đất của dự án Cao ốc An Lạc Plaza
3. Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh					
Hợp đồng số 17A/2010/HBTD-ĐTTC- TD ngày 27/5/2010	3.471.915.000	84 tháng	Đầu tư dự án xử lý nước thải tập trung KCN Lê Minh Xuân (giai đoạn 3)	8,2%/năm	Bảo lãnh ngân hàng
4. Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín- Chi nhánh Chợ Lớn PGD Bình Tân					
Hợp đồng số LD1424800048 ngày 05/09/2014	78.028.443.589	60 tháng	Đầu tư dự án Khu định cư Phong Phú 4	Lãi suất huy động tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng + biên độ 3,2%/năm	Một phần diện tích đất của dự án khu định cư Phong Phú
Hợp đồng số LD1502100187 ngày 21/01/2015	39.333.334.000	180 tháng	Trả tiền thuê đất dùng góp vốn vào Công ty TNHH TM và DV Siêu Thị An Lạc	6%/năm trên dư nợ ban đầu	Quyền tài sản phát sinh từ toàn bộ vốn góp của BCCI tại Công ty TNHH TM và DV Siêu Thị Big C An Lạc và quyền tài sản phát sinh từ 172.031,8m ² đất tại khu dân cư 1-Khu 11A
Hợp đồng số LD1502100188 ngày 21/01/2015	45.233.334.000	180 tháng	Trả tiền thuê đất dùng góp vốn vào Công ty TNHH TM và DV Siêu Thị An Lạc	6%/năm trên dư nợ ban đầu	
Tổng cộng	458.812.544.003				

16. Phải trả người bán

a. Ngắn hạn

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH TM XD Việt Long	1.705.726.571	1.705.726.571	1.705.726.571	1.705.726.571
XN Xây dựng công trình cảng			2.258.928.644	2.258.928.644
Phải trả người bán tại KCN Lê Minh Xuân	1.083.960.611	1.083.960.611	1.958.659.242	1.958.659.242
Phải trả các đối tượng khác	7.996.882.187	7.996.882.187	9.275.114.593	9.275.114.593
Cộng	10.786.569.369	10.786.569.369	15.198.429.050	15.198.429.050

b. Dài hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
--	-------------	------------

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ
Tổng công ty XD số 1 - CCI	50.316.068.735	50.316.068.735	50.316.068.735	50.316.068.735
Phải trả các đối tượng khác	1.661.687.264	1.661.687.264	2.435.912.697	2.435.912.697
Cộng	51.977.755.999	51.977.755.999	52.751.981.432	52.751.981.432

c. Phải trả người bán là các bên liên quan

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH ĐTPPT BCCI (HO)	19.573.482	19.573.482	143.193.114	143.193.114
Công ty TNHH ĐTPPT BCCI (LMX)	1.473.000.000	1.473.000.000	1.700.000.000	1.700.000.000
Cộng	1.492.573.482	1.492.573.482	1.843.193.114	1.843.193.114

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Lũy kế số phải nộp trong kỳ	Lũy kế số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế	(315.665.038)	92.811.252.801	94.708.165.108	(2.212.577.345)
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.318.636.477	1.574.493.299	2.950.084.254	(56.954.478)
- Thuế GTGT VP Cty	1.097.588.996	308.637.206	1.654.666.976	(248.440.774)
- Thuế GTGT khu LMX	221.047.481	1.265.856.093	1.295.417.278	191.486.296
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(2.241.270.726)	84.565.687	192.349.724	(2.349.054.763)
Bất động sản (22%)+ HD khác	-	-	-	-
Tiền độ 1%	(2.241.270.726)	84.565.687	192.349.724	(2.349.054.763)
Thuế thu nhập cá nhân	541.032.405	2.137.654.581	2.552.528.482	126.158.504
Tiền thuê đất		88.640.288.639	88.640.288.639	
Tiền sử dụng đất				
Thuế tài nguyên (Công ty)	35.533.006	208.104.975	205.754.089	37.883.892
Thuế tài nguyên (KCN LMX)	30.403.800	162.145.620	163.159.920	29.389.500
Thuế môn bài		4.000.000	4.000.000	
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		80.037.480	80.037.480	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cộng	(315.665.038)	92.891.290.281	94.788.202.588	(2.212.577.345)
-------------	----------------------	-----------------------	-----------------------	------------------------

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

18. Chi phí phải trả**a. Ngắn hạn**

	Số cuối quý	Số đầu năm
Trích trước chi phí lãi vay	3.791.693.141	2.728.423.359
Chi phí phải trả khác	634.652.858	108.181.818
Chi phí phải trả tại KCN LMX	2.671.851.931	2.671.851.931
Cộng	7.098.197.930	5.508.457.108

b. Dài hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
Chi phí phải trả các dự án đầu tư	101.378.825.946	104.981.865.459
Các khoản trích trước khác	380.188.049	
Cộng	101.759.013.995	104.981.865.459

19. Phải trả khác**a. Ngắn hạn**

	Số cuối quý	Số đầu năm
Công ty Bách hóa Miền Nam		20.800.000.000
Phải trả khác (ĐLĐT, Nhật Lan 5...)	129.666.375.668	
Cổ tức phải trả cho các Cổ đông	1.258.644.600	73.525.644.600
Phải trả khác - KCN Lê Minh Xuân	18.677.986.590	15.106.080.441
Cộng	149.603.006.858	109.431.725.041

b. Dài hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
Công ty Cổ phần BCI	49.200.000.000	49.200.000.000
Chi phí còn phải trả các dự án đầu tư	123.821.349.277	119.347.594.797
Cộng	173.021.349.277	168.547.594.797

20. Doanh thu chưa thực hiện

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

a. Ngắn hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
Doanh thu chưa thực hiện - KCN Lê Minh Xuân	6.366.466.684	6.540.331.560
Cộng	6.366.466.684	6.540.331.560

b. Dài hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
Doanh thu chưa thực hiện - KCN Lê Minh Xuân	203.084.903.842	205.657.013.735
Cộng	203.084.903.842	205.657.013.735

21. Trái phiếu phát hành**22. Cổ phiếu ưu đãi phân loại là nợ phải trả****23. Dự phòng phải trả****24. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

	Số cuối quý	Số đầu năm
a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	181.192.253	238.499.853
b. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		

25. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 1.

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối quý	Số đầu năm
Vốn đầu tư của Nhà nước	241.920.000.000	201.600.000.000
Vốn góp của các cổ đông	625.281.440.000	521.070.000.000
Cộng	867.201.440.000	722.670.000.000

Cổ phiếu

	Số cuối quý	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	86.720.144	72.267.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	86.720.144	72.267.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>		
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	86.720.144	72.267.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn kinh doanh của Công ty.

26. Chênh lệch đánh giá lại tài sản**27. Chênh lệch tỷ giá****28. Nguồn kinh phí****29. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối**

Nợ khó đòi đã xử lý: 2.469.845.243 đồng

30. Các thông tin khác do doanh nghiệp tự thuyết minh, giải trình**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	QUÝ 2/15	QUÝ 2/14	Lũy kế đến Q2/15	Lũy kế đến Q2/14
Bán nền các khu dân cư, căn hộ chung cư	5.284.619.541	69.090.928.617	9.284.923.466	125.876.017.656
Hoạt động môi giới bất động sản		18.818.182		37.000.000
Hoạt động dịch vụ sàn giao dịch			439.501	
Cho thuê mặt bằng	1.120.250.957	914.935.581	1.980.539.887	1.555.353.617
Cung cấp dịch vụ điện, nước... cho dự án	4.906.333.741	3.865.335.737	8.982.846.007	7.189.479.353
Hoạt động CQSDĐ tại KCN Lê Minh Xuân	2.838.176.139	2.948.222.733	5.619.638.011	5.948.274.929
Hoạt động khác và cung cấp dịch vụ tại KCN Lê Minh Xuân	12.458.761.009	11.871.293.702	22.838.692.603	21.726.805.841
Cộng	26.608.141.387	88.709.534.552	48.707.079.475	162.332.931.396

2. Các khoản giảm trừ doanh thu**3. Giá vốn hàng bán**

	QUÝ 2/15	QUÝ 2/14	Lũy kế đến Q2/15	Lũy kế đến Q2/14
Bán nền các khu dân cư, căn hộ chung cư	1.953.865.170	57.425.272.315	3.339.491.243	102.911.884.415
Cung cấp dịch vụ điện, nước... cho dự án	1.126.131.999	1.135.137.908	2.787.291.915	2.043.383.199
Hoạt động CQSDĐ tại KCN Lê Minh Xuân	742.805.827	715.510.327	1.422.893.954	1.394.829.963
Hoạt động khác và cung cấp dịch vụ tại KCN Lê Minh Xuân	7.440.742.988	6.709.069.113	12.807.582.938	12.045.120.487
Cộng	11.263.545.984	65.984.989.663	20.357.260.050	118.395.218.064

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	QUÝ 2/15	QUÝ 2/14	Lũy kế đến Q2/15	Lũy kế đến Q2/14
Lãi tiền gửi, tiền cho vay, lãi trái phiếu	1.337.954.422	1.717.115.255	2.333.550.172	4.635.539.564
Cổ tức, lợi nhuận được chia		7.607.315.850	22.800.000.000	7.607.315.850
Doanh thu hoạt động tài chính - KCN				

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Lê Minh Xuân		564.681		594.236
Cộng	1.337.954.422	9.324.995.786	25.133.550.172	12.243.449.650

5. Chi phí tài chính

	<u>QUÝ 2/15</u>	<u>QUÝ 2/14</u>	<u>Lũy kế đến Q2/15</u>	<u>Lũy kế đến Q2/14</u>
Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu	2.948.499.282	1.938.561.673	6.033.089.611	4.330.123.456
Chi phí tài chính khác		95.141.047	16.712.881	95.141.047
Chênh lệch tỷ giá		900.900.000		887.263.650
Hoàn nhập/ dự phòng đầu tư chứng khoán	19.890.000	48.960.000	39.780.000	(30.600.000)
Dự phòng ĐTDH - Công ty CP BCI	(17.721.745)	(515.842.063)	(76.145.630)	(140.848.221)
Cộng	2.950.667.537	2.467.720.657	6.013.436.862	5.141.079.932

6. Thu nhập khác

	<u>QUÝ 2/15</u>	<u>QUÝ 2/14</u>	<u>Lũy kế đến Q2/15</u>	<u>Lũy kế đến Q2/14</u>
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	405.445.995	254.712.482	532.811.704	357.919.270
Thu khác + KCN Lê Minh Xuân	153.713.516	57.435.129	171.082.046	201.677.358
Cộng	559.159.511	312.147.611	703.893.750	559.596.628

7. Chi phí khác

	<u>QUÝ 2/15</u>	<u>QUÝ 2/14</u>	<u>Lũy kế đến Q2/15</u>	<u>Lũy kế đến Q2/14</u>
Chi phí khác + KCN LMX	408.000.000	225.216.003	408.000.000	225.216.003
Cộng	408.000.000	225.216.003	408.000.000	225.216.003

8. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**a. Chi phí bán hàng**

	<u>QUÝ 2/15</u>	<u>QUÝ 2/14</u>	<u>Lũy kế đến Q2/15</u>	<u>Lũy kế đến Q2/14</u>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	201.367.072	3.317.787.587	544.615.588	4.075.431.786
Cộng	201.367.072	3.317.787.587	544.615.588	4.075.431.786

b. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>QUÝ 2/15</u>	<u>QUÝ 2/14</u>	<u>Lũy kế đến Q2/15</u>	<u>Lũy kế đến Q2/14</u>
Chi phí lương nhân viên quản lý	436.907.573	5.007.199.474	7.486.763.152	11.499.610.506
Chi phí vật dụng văn phòng	55.016.868	20.285.527	64.152.575	88.526.796
Khấu hao tài sản cố định	353.577.141	530.934.649	730.762.574	1.081.523.239
Thuế, phí và lệ phí	1.150.298.924	213.143.968	1.568.198.249	1.353.132.542
Chi phí dịch vụ mua ngoài	572.897.255	358.996.837	895.696.136	705.841.195

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí bằng tiền khác	2.147.130.123	859.070.296	3.189.292.027	1.806.236.450
Chi phí QLDN KCN Lê Minh Xuân	596.904.937	407.430.712	978.175.162	992.066.279
Cộng	5.312.732.821	7.397.061.463	14.913.039.875	17.526.937.007

9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

10. Chi phí thuế thu nhập hiện hành

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho công ty là 22%, trong năm 2014 và đến quý 2 năm 2015 Công ty còn được chuyển lỗ từ các năm trước.

11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Lũy kế đến Q2/2015	Lũy kế đến Q2/2014
Chi phí thuế TNDN hoãn lãi phát sinh từ Lãi dự thu	56.908.034	(219.107.683)
Chi phí thuế TNDN hoãn lãi phát sinh từ Chi phí trợ cấp thất nghiệp phải trả	399.566	58.984.401
Cộng	57.307.600	(160.123.282)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

- Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai
- Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng
- Số tiền đi vay thực thu lũy kế đến quý 2/2015
 - Tiền thu đi vay theo kế ước thông thường: 122.874.241.953 đồng
- Số tiền thực trả gốc vay lũy kế đến quý 2/2015
 - Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường: 107.929.154.858 đồng

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

- Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác
- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm
- Thông tin về các bên liên quan

Trong kỳ, Công ty phát sinh các nghiệp vụ chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch Q2/15 (đồng)
Công ty CP BCI	Công ty con		Không phát sinh
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển BCCI	Công ty con	Thanh toán chi phí cung cấp dịch vụ	562.666.312
Công ty TNHH TM và DV Siêu thị Big C An Lạc	Công ty liên kết		Không phát sinh
Công ty cổ phần Đầu tư và Bất động sản Sài Gòn Châu Á	Công ty liên kết		Không phát sinh
Công ty TNHH Cao Ốc Xanh	Công ty liên kết		Không phát sinh

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giao dịch với bên liên quan khác

4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận
5. Thông tin so sánh
6. Thông tin về hoạt động liên tục
7. Những thông tin khác

Người lập



Nguyễn Kim Phụng

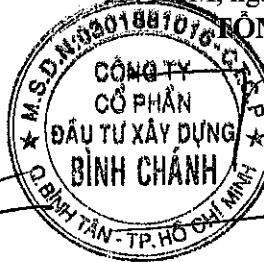
Kế toán trưởng



Nguyễn Dương An

TP. HCM, ngày 14 tháng 8 năm 2015

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thụy Nhân

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số : 624 /CV.BCCI.KT
V/v: Giải trình kết quả hoạt động kinh
doanh Công ty mẹ quý II/2015

TP.Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2015

Kính gửi : - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước ;
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM

- Căn cứ luật chứng khoán số 70/2006/QH11 của Quốc hội khóa XI thông qua ngày 29/06/2006;
- Căn cứ Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thực hiện về việc công bố thông tin định kỳ của tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bình Chánh - BCCI (mã chứng khoán: BCI) giải trình chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế của Công ty trong quý II/2015 theo báo cáo tài chính Công ty mẹ giảm so với quý II/2014 như sau:

TT	Chỉ tiêu	Quý II/2015 (đồng)	Quý II/2014 (đồng)	Tỷ lệ thay đổi
A	B	(1)	(2)	(3)={(1)-(2)}/(2)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.608.141.387	88.709.534.552	-70%
2	Lợi nhuận gộp	15.344.595.403	22.724.544.889	-32%
3	Doanh thu hoạt động tài chính	1.337.954.422	9.324.995.786	-86%
4	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8.326.996.797	19.114.025.858	-56%

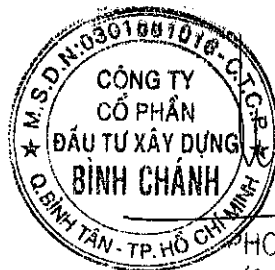
Lợi nhuận sau thuế của quý II/2015 giảm 56% (11 tỷ đồng) so với quý II/2014 chủ yếu do số lượng đất nền, căn hộ bàn giao cho khách hàng trong quý II/2015 giảm so với quý II/2014. Ngoài ra, doanh thu hoạt động tài chính quý II/2015 giảm so với quý I/2014 cũng góp phần làm giảm lợi nhuận sau thuế.

Trân trọng.

K. TÔNG GIÁM ĐỐC

Nơi nhận :

- Như trên;
- Lưu (VT, TCKT)



HO TÔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Kim Hoa